



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẮP MÁY HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 34 đường Thiên Lô, Phường Nghĩa Xá, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng
Hotline: 1800588882 * ĐT: 0225.3856 209 * Fax: 0225.3785 759
Website: www.diennuochp.com.vn * Email: dnc@diennuochp.com.vn * Mã chứng khoán: DNC

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẮP MÁY HẢI PHÒNG NĂM BÁO CÁO 2023

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- TÊN GIAO DỊCH: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẮP MÁY HẢI PHÒNG**
- TÊN VIẾT TẮT: **DNC.HP**
- GIẤY CHỨNG NHẬN ĐKDN SỐ: 0200155561 Do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp ngày 20/8/2022, đăng ký thay đổi lần thứ 15.
- VỐN ĐIỀU LỆ: **64.222.580.000 đồng** (Bằng chữ: Sáu mươi bốn tỷ hai trăm hai mươi hai triệu năm trăm tám mươi ngàn đồng)
- VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU: **64.222.580.000 đồng** (Bằng chữ: Sáu mươi bốn tỷ hai trăm hai mươi hai triệu năm trăm tám mươi ngàn đồng)
- ĐỊA CHỈ: Số 34 đường Thiên Lô, phường Nghĩa Xá, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng
- ĐIỆN THOẠI: (84-0225) 3.856.209
- FAX: (84-0225) 3.785.759
- WEBSITE: www.diennuochp.com.vn
- MÃ CHỨNG KHOÁN: **DNC** (Cổ phiếu phổ thông)

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200155561 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 21/10/2005 và thay đổi đăng ký lần thứ 15 vào ngày 20/8/2022, ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

Hiện tại công ty hoạt động chủ yếu trong 03 lĩnh vực chính là:

- Truyền tải và phân phối bán lẻ điện
- Khai thác, xử lý và phân phối bán lẻ nước sạch
- Thi công xây lắp xây dựng các công trình điện, nước.

Địa điểm hoạt động của Công ty gồm:

➤ **TRỤ SỞ CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 34 đường Thiên Lô, phường Nghĩa Xá, quận Lê Chân, TP.Hải Phòng

➤ **XÍ NGHIỆP ĐIỆN AN DƯƠNG**

Địa chỉ: Xã An Đông, huyện An Dương, TP.Hải Phòng.

➤ **XÍ NGHIỆP ĐIỆN VĨNH BẢO**

Địa chỉ: Xã Tân Hưng, huyện Vĩnh Bảo, TP Hải Phòng.

➤ **XÍ NGHIỆP ĐIỆN THỦY NGUYÊN**

Địa chỉ: Xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng.

➤ **CHI NHÁNH HẠ LONG**

Địa chỉ: ki- ốt C 238 khu phố cổ Sunworld, đường Hạ Long, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

➤ **CHI NHÁNH HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 3 tòa nhà Minh Anh Plaza, số 76-80 phố Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

➤ **CHI NHÁNH HƯNG YÊN**

Địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà A3 khu đô thị Thương Mại Du lịch Văn Giang, xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

➤ **CHI NHÁNH PHÚ QUỐC**

Địa chỉ: S336, khu đô thị An Thới Gate Way, khu phố 6, phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

Công ty Cổ phần Điện nước lắp máy Hải Phòng hoạt động theo mô hình quản trị của Công ty đại chúng niêm yết, được chuyển đổi từ công ty Nhà nước sang công ty cổ phần tư nhân 100%.

3.1. Mô hình quản trị

- + Đại hội đồng cổ đông
- + Hội đồng quản trị
- + Ủy Ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị
- + Ban Tổng Giám đốc

3.2. Bộ máy quản lý

- Phòng Kinh doanh: Thực hiện các hoạt động mua bán sản phẩm, dịch vụ đầu vào và quản lý, theo dõi các hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng. Phát triển,

mở rộng khách hàng và phạm vi cung cấp. Lập và theo dõi kế hoạch sản xuất kinh doanh.

- Phòng Kỹ thuật an toàn: Thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn về kỹ thuật, phối kết hợp cùng với các xí nghiệp điện và chi nhánh đảm bảo kỹ thuật về điện, an toàn điện và phòng chống quá tải, tổn thất điện năng...
- Phòng Tài chính: Thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, tài chính theo đúng quy định của pháp luật. Đảm bảo các nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Phòng Tổ chức hành chính: Quản lý Hành chính, Tổ chức, Lao động, Tiền lương.
- Phòng Công nghệ và chăm sóc khách hàng: Quản lý Công nghệ toàn Công ty và các dịch vụ chăm sóc khách hàng.
- Các Xí nghiệp trực thuộc: thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo chức năng chuyên môn và chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc.
- Các Chi nhánh: hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng chuyên môn và chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc.

4. Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty trong năm 2024

4.1.1. Các chỉ tiêu kinh tế

TT	Chỉ tiêu	Sản lượng (KWh) / (m ³)	Doanh thu (Triệu đồng)	Tỷ lệ tổn thất (%)
I	Tổng doanh thu (Triệu đồng)		1.006.000	
1	Kinh doanh Điện	408.750.000	985.500	4,0%
1.1	XN điện An Dương	148.700.000	357.050	4,84%
1.2	XN điện Thủy Nguyên	60.210.000	133.100	4,84%
1.3	XN điện Vĩnh Bảo	52.280.000	111.450	4,97%
1.4	CN Hạ Long	13.540.000	39.500	6,2%
1.5	CN Eco Hải Dương	11.000.000	30.400	2,2%
1.6	CN Eco Hưng Yên	87.270.000	220.000	1,5%
1.7	Tiếp nhận các Dự án mới	35.750.000	94.000	3,5%
2	Kinh doanh nước			
-	Các khu đô thị - XN An Dương	870.000	12.500	4,00%
3	Doanh thu khác		8.000	
IV	Lợi nhuận trước thuế (Tỷ đồng)		50,5	
VI	Các khoản nộp NSNN (Tỷ đồng)		20,5	

VII	Tỷ lệ chia cổ tức			
	- Tiền mặt:			≥ 20%
	- Cổ phiếu thưởng			≥ 25%
VIII	Lương bình quân (tr.d/ng/tháng)			13,8

4.1.2. Triển khai các dự án đầu tư

- Đầu tư xây dựng các trạm biến áp trên địa bàn các xã, đáp ứng nhu cầu sử dụng điện khách hàng, chất lượng điện năng cung cấp
- Xây dựng mới 12 TBA với tổng công suất là 7.000 KVA.
 - Nâng công suất máy biến áp:
 - Nâng công suất TBA: 02 TBA (tài sản Công ty), 06 TBA (là tài sản của Điện lực).
 - Đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống đường dây hạ thế để san tải các TBA và chống quá tải.
 - Cải tạo, thay mới, bổ sung kéo dây đường trục chống quá tải tương đương 25 km.
 - Thay thế, di chuyển, trồng mới hơn 300 cột điện BTLT đảm bảo an toàn và phục vụ chương trình nông thôn mới của các địa phương.
 - Ngoài ra, Công ty bắt đầu triển khai thay thế, lắp đặt đồng bộ hệ thống công tơ điện tử truyền dữ liệu từ xa tại một số địa bàn Khu đô thị mới. Kế hoạch đến 31/12/2026, chuyển đổi hoàn sang quản lý bằng công tơ điện tử truyền dữ liệu từ xa trên tất cả các địa bàn quản lý của Công ty.
 - Phát triển khách hàng mới
 - Tiếp nhận số lượng khách hàng mới dự kiến: 6.000 khách hàng
 - Tiếp cận các dự án nhà ở, các khu đô thị mới trên địa bàn thành phố Hải Phòng để tiếp nhận quản lý, khai thác kinh doanh điện, nước.
 - **Chiến lược phát triển trung và dài hạn (2024-2028)**

Chỉ tiêu	Năm				
	2024	2025	2026	2027	2028
1. Vốn điều lệ	64,2	80,3	100	100	100
2. Doanh thu	1.006	1.100	1150	1200	1300
3. Lợi nhuận trước thuế TNDN	50.5	52	53.5	55	57
4. Lương bình quân (triệu đồng/người/tháng)	13.8	14.7	15.8	16.5	17.5
5. Tỷ lệ trả cổ tức	≥20%	≥20%	≥20%	≥20%	≥20%

➤ **Mục tiêu**

- Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, phát huy tối ưu nguồn lực sẵn có để duy trì và đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng hàng năm từ 12 - 15%.
- Tập trung củng cố, phát triển lĩnh vực ngành nghề kinh doanh chính của Công ty đó là lĩnh vực kinh doanh điện, nước. Đầu tư cải tạo, ổn định hệ thống lưới điện, nước phát triển mở rộng thị trường kinh doanh, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Thực hiện các biện pháp nhằm tiếp tục giảm tỷ lệ tổn thất điện năng, thực hiện các chương trình tiết kiệm trong quản lý, phân phối và bán lẻ điện, nước.
- Đảm bảo công ăn việc làm, cải thiện thu nhập và điều kiện làm việc cho cán bộ công nhân viên, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.
- Đảm bảo an sinh xã hội trên các địa bàn kinh doanh.

➤ **Kế hoạch triển khai các dự án đầu tư**

- Phát triển thị trường kinh doanh điện, nước, phát triển khách hàng tại các tỉnh, thành phố có địa bàn đang quản lý và các tỉnh thành phố khác trên cả nước.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2023

Cơ cấu tổ chức lao động hiện nay do đặc thù kinh doanh Công ty bố trí, sắp xếp bao gồm: 03 Xí nghiệp điện, 04 Chi nhánh, 05 phòng ban (Phòng Kinh doanh, Phòng Kỹ thuật an toàn, Phòng Tài chính, Phòng Tổ chức hành chính và Phòng Công nghệ và chăm sóc khách hàng) với tổng số lao động hiện nay 157 người.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Doanh thu bán hàng: 802.483 triệu đồng, tăng 122% so với năm 2022.
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: 49.667 triệu đồng
- Tổng lợi nhuận trước thuế: 47.733 triệu đồng
- Sản lượng điện tiêu thụ năm 2023: 337.969.000 KWh, tăng 117% so với năm 2022.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Ban điều hành

- Tổng giám đốc: Lê Hữu Cảnh - Ủy viên HĐQT số cổ phần nắm giữ: 796.843 CP
- Kế toán trưởng: Mai Thị Thanh Hà - số cổ phần nắm giữ: 37.500 CP
- Phó tổng giám đốc: Nguyễn Văn Thao số cổ phần nắm giữ: 78.160 CP

2.2. Số lượng lao động và chính sách với người lao động

- Số lượng cán bộ công nhân viên: 157 người, trong đó:

- + Trình độ đại học và trên đại học: 52 người
- + Cao đẳng, trung cấp: 46 người
- + Công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông: 59 người
- Thực hiện đúng, đầy đủ chế độ chính sách đối với người lao động:
 - + Thực hiện chi trả tiền lương, thưởng kịp thời đúng chế độ.
 - + Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho người lao động.
 - + Cấp phát bảo hộ lao động định kỳ hàng năm.
 - + Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ cán bộ công nhân viên.
 - + Tổ chức ngày hội gia đình truyền thống, khen thưởng biểu dương các gia đình tiêu biểu và con em CBCNV có thành tích học tập xuất sắc.
 - + Tổ chức tham quan du lịch cho tất cả CBCNV.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Thực hiện đầu tư, sửa chữa, nâng cấp hệ thống tài sản

a. Xây dựng mới

Công ty đầu tư xây dựng xây dựng đường dây trung thế và 11 TBA tổng công suất 8.910 KVA trong đó:

- XN điện An Dương 6 TBA.
- XN điện Thủy Nguyên 2 TBA.
- XN điện Vĩnh Bảo 3 TBA.

b. Nâng công suất các TBA

Thực hiện nâng công suất 9 TBA. Trong đó:

- Các TBA là tài sản của Công ty: 01 trạm biến áp
- Các TBA là tài sản của Điện lực 08 trạm biến áp.

c. Lắp phát sinh, thay định kỳ công tơ đo đếm

- Khách hàng đăng ký sử dụng điện, nước: 5.000 khách hàng.
- Số lượng thay công tơ điện đến hạn tại các đơn vị là: 16.300 công tơ (thay bằng công tơ truyền dữ liệu từ xa và công tơ cảm ứng).

d. Đầu tư xây dựng, sửa chữa văn phòng các đơn vị

- Xây dựng mới Văn phòng làm việc của Xí nghiệp Thủy Nguyên tại xã Hòa Bình, huyện Thủy Nguyên.
- Sửa chữa văn phòng cho Chi nhánh Phú Quốc; cải tạo Văn phòng làm việc của Ban QL điện xã Hồng Thái.

3.2. Mở rộng địa bàn hoạt động kinh doanh điện, nước

- Tiếp nhận quản lý hệ thống điện, nước tại Dự án Khu nhà ở xã hội, xã An Đồng, huyện An Dương, TP.Hải Phòng.

- Tiếp nhận các dự án tại Hạ Long, Hà Nội và Phú Quốc.

3.3. Tổng số tài sản lưới điện

- Số lượng 361 trạm biếp áp với tổng công suất TBA: 293.290 kVA

Trong đó: 102 TBA là tài sản Công ty đầu tư, 159 TBA tiếp nhận từ các dự án và 100 TBA là tài sản của các Điện lực.

3.4. Số khách hàng sử dụng điện, nước : hơn 88.000 khách hàng.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Theo số liệu Báo cáo Tài chính năm 2023 đã được kiểm toán, tình hình Tài chính của Công ty thể hiện như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Tỷ lệ tăng giảm (%)
1	Tổng giá trị Tài sản	122.385	173.690	142%
2	Doanh thu thuần	658.676	802.482	122%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	36.811	50.099	136%
4	Lợi nhuận khác	-3	-1.934	
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	36.807	48.075	131%
6	Lợi nhuận sau thuế	29.194	37.393	128%
7	Tỷ lệ trả cổ tức tiền mặt	25%	25%	

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,2	1,64
	Hệ số thanh toán nhanh	1,9	1,43
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
	Hệ số nợ/Tổng tài sản	22,3%	34,69%
	Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	42,5%	93,8%

3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
	Vòng quay vốn lưu động	10	8,1
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	5,38	4,62
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	4,43%	4,66%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	45,46%	58,22%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	23,85%	21,53%
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần	5,59%	6,2%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn chủ đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 6.422.258 cổ phần
- Tổng số cổ phần phổ thông: 6.422.258 cổ phần

5.2. Cơ cấu cổ đông

Theo danh sách chốt ngày 13/3/2024, cơ cấu cổ đông của Công ty như sau:

Stt	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng số cổ đông	137	6.422.258	100%
2	Cổ đông lớn	5	4.873.088	75,8%
3	Cổ đông trong nước	126	5.990.160	93,2%
4	Cổ đông nước ngoài	10	20.395	0,3%
5	Cổ đông tổ chức trong nước	1	411.703	6,4%
6	Cổ đông tổ chức nước ngoài	5	8.768	0,1%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu: Không.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.5. Các chứng khoán khác: có (223.259 CP ngân hàng Vietinbank; 409.365 CP Công ty cổ phần xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam).

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2023, vẫn còn nhiều khó khăn do khách quan của nền kinh tế nhưng Công ty cũng đã thực hiện được những mục tiêu chiến lược đã đề ra đó là:

- Đảm bảo mức tỷ lệ chia cổ tức cho cổ đông theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ.
- Người lao động có việc làm ổn định, đời sống được nâng lên, cán bộ công nhân viên trong nội bộ đoàn kết cao.
- Chuyển đổi từ mô hình Website truyền thống sang mô hình Cổng thông tin điện tử và triển khai dịch vụ điện trực tuyến, thanh toán trực tuyến tạo nhiều thuận lợi cho khách hàng.
- Chuyển đổi từ công tơ cơ sang công tơ điện tử truyền dữ liệu từ xa.
- Mở rộng thị trường, tiếp nhận thêm dự án trên địa bàn và mở rộng sang các tỉnh lân cận.
- Công tác đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo lưới điện thực hiện thường xuyên đảm bảo cung cấp chất lượng điện tốt nhất phục vụ khách hàng.
- Công tác đóng góp cho xã hội cũng được lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm.

2. Tình hình tài chính

2.1. Phân tích tình hình tài sản

Năm 2023 tình hình Tài chính của Công ty đảm bảo ổn định, không phát sinh nợ xấu.

2.2. Phân tích khả năng sinh lợi, khả năng thanh toán

Với tính chất và ngành nghề kinh doanh ổn định, do đó khả năng sinh lợi từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn trong trạng thái tốt, năm sau cao hơn năm trước.

Khả năng thanh toán nhanh và rất được đảm bảo.

IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty về hoạt động của ban giám đốc Công ty

- Thực hiện nghiêm các quyền và nghĩa vụ của HĐQT theo Pháp luật và Điều lệ Công ty. Chấp hành đầy đủ mọi qui định yêu cầu về quản trị Công ty và công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và các cơ quan chức năng.
- Hội đồng quản trị ban hành các quy chế nội bộ, quy định theo pháp luật Nhà nước đúng theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị thực hiện giám sát đầy đủ hoạt động của Ban tổng giám đốc trong công tác xây dựng chiến lược, kế hoạch trung hạn, kế hoạch SXKD hàng năm để đảm bảo

các quyết định về hoạt động Công ty tuân thủ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như qui định pháp luật.

- Hội đồng quản trị đã nghiêm túc xem xét từng vấn đề và yêu cầu Ban điều hành phải chủ động tích cực mở rộng quan hệ tìm kiếm thị trường mở rộng địa bàn hoạt động kinh doanh điện, xây dựng các biện pháp quản lý phù hợp với mô hình kinh doanh, kiểm soát chặt các khoản mục chi phí... nâng cao trách nhiệm và khả năng quản lý đạt hiệu quả và an toàn sản xuất.

- Năm 2023, Công ty hoàn thành các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 đề ra, tạo việc làm ổn định cho người lao động và tăng lương theo quy định Nhà nước cho người lao động trong Công ty, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước.

2. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024

- Không ngừng nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty, đảm bảo tạo điều kiện và phát huy tối đa năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý điều hành.

- HĐQT giám sát chặt chẽ quá trình điều hành hoạt động của Tổng giám đốc và ban điều hành.

- Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt và các cán bộ công nhân viên tham gia các khóa học trong và ngoài Công ty. Áp dụng những phương pháp quản trị hiện đại; thực hiện tốt việc giám sát và chỉ đạo đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Chú trọng công tác đầu tư, cải tạo, sửa chữa nâng cấp hệ thống lưới điện Công ty, công tác chăm sóc khách hàng và công tác chuyển đổi số.

- Định hướng phát triển các địa bàn kinh doanh trong và ngoài thành phố.

- Cam kết bảo toàn, phát triển vốn và đảm bảo quyền lợi của các nhà đầu tư.

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức và mô hình quản lý của Công ty, phân cấp cụ thể đối với từng bộ phận và cá nhân nhằm nâng cao vai trò chủ động, phát huy tối đa mọi nguồn lực để triển khai thực hiện nhiệm vụ.

- Tăng cường sự kiểm tra, giám sát các hoạt động của từng bộ phận để phân tích, đánh giá kết quả thực hiện, tìm biện pháp xử lý và xây dựng phương án sản xuất kinh doanh sát với thực tiễn.- Thắt chặt các biện pháp quản lý để kiểm soát chi phí ở mức tiết kiệm nhất.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành phần

- Ông Đỗ Huy Đạt sinh năm 1958 - Chủ tịch HĐQT
Cổ phần sở hữu: 1.594.816 cổ phần
- Ông Lê Hữu Cảnh sinh năm 1964 - Ủy viên HĐQT- Tổng giám đốc.
Cổ phần sở hữu: 796.843 cổ phần
- Ông Nguyễn Trung Kiên sinh năm 1961 - Ủy viên HĐQT – TB. KTNB
Cổ phần sở hữu: 1.596.918 cổ phần
- Ông Tạ Văn Sơn sinh năm 1960 - Ủy viên HĐQT, Chủ tịch UBKT
Cổ phần sở hữu: 29.646 cổ phần.
- Bà Vũ Thị Lương Dung sinh năm 1975 - Ủy viên HĐQT- Giám đốc KD
Cổ phần sở hữu: 213.340 cổ phần
- Bà Lại Thị Vinh sinh năm 1965 - Ủy viên HĐQT
Cổ phần sở hữu: 48.872 cổ phần

1.2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2023, Hội đồng quản trị đã tiến hành 04 phiên họp với các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Ủy ban Kiểm toán để triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 với các nội dung cụ thể như sau:

a. Phiên họp lần thứ 1 (ngày 18/02/2023) thảo luận các nội dung gồm:

1. Kết quả kinh doanh Quý IV/2022 và năm 2022:

1.1 Kết quả sản xuất kinh doanh:

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện Quý IV/2022	Thực hiện Năm 2022
- Tổng doanh thu	Triệu đồng	154.642	658.676
+ Kinh doanh điện	Triệu đồng	147.663	633.730
+ Kinh doanh nước sạch	Triệu đồng	3.451	14.170
+ Kinh doanh khác	Triệu đồng	3.258	10.776
- Sản lượng điện	KWh	68.858.400	289.600.000
- Sản lượng nước	m3	224.840	898.150
- Tỷ lệ tổn thất điện	%	4,0	4,1
- Tỷ lệ tổn thất nước	%	5,4	5,1

1.2 Kết quả hoạt động tài chính Quý IV và cả năm 2022:

DVT: Đồng

Chỉ tiêu	Quý IV/2022	Năm 2022
Doanh thu hàng bán và CCDV	153.895.465.075	658.676.029.032
Lợi nhuận trước thuế	5.797.882.208	36.931.464.990
Thuế TNDN	1.224.572.068	7.638.140.728
Lợi nhuận sau thuế	4.573.310.140	29.293.324.262

2. Xem xét Báo cáo Đoàn kiểm toán nội bộ tại Xí nghiệp Điện Vĩnh Bảo :

Giao Tổng giám đốc chỉ đạo Phòng Kinh doanh, Xí nghiệp Điện Vĩnh Bảo khắc phục những tồn tại theo Báo cáo của Đoàn kiểm toán nội bộ.

3. Kế hoạch SXKD Quý I/2023:

3.1 Các chỉ tiêu:

- Tổng doanh thu:	145.000	Triệu đồng
+ Kinh doanh điện:	143.430	Triệu đồng
+ Kinh doanh nước sạch:	2.520	Triệu đồng
+ Kinh doanh khác:	1.570	Triệu đồng
- Sản lượng điện:	67.578.700	KWh
- Sản lượng nước:	179.000	m ³
- Tỷ lệ tổn thất điện:	4,0	%
- Tỷ lệ tổn thất nước:	5,0	%

3.2 Công tác đầu tư cải tạo hệ thống lưới điện:

- Hoàn thiện thi công, nghiệm thu đóng điện đưa vào sử dụng 04 TBA.
- Bổ sung thay thế hệ thống dây đường trục chống quá tải: Số lượng 2,5 km.
- Lắp đặt thay thế công tơ điện tử truyền dữ liệu từ xa: 5.350 công tơ

3.3 Tập trung công tác chăm sóc khách hàng và chuyển đổi số:

- Tăng cường công tác thu tiền điện, nước tại các Xí nghiệp, Chi nhánh bằng hình thức không dùng tiền mặt.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ Zalo vào công tác thông báo tiền điện, lịch cắt điện và dịch vụ khác.

- Trang bị Phần mềm Văn phòng điện tử.

4. Xem xét Kế hoạch năm 2023 :

4.1 Kế hoạch SXKD năm 2023

- Tổng doanh thu:	775.000	Triệu đồng
-------------------	---------	------------

+ Kinh doanh điện:	742.000	Triệu đồng
+ Kinh doanh nước sạch:	11.500	Triệu đồng
+ Kinh doanh khác:	11.500	Triệu đồng
- Sản lượng điện:	329.540.000	KWh
- Sản lượng nước:	785.000	m ³
- Tỷ lệ tổn thất điện:	4,0	%
- Tỷ lệ tổn thất nước:	5,0	%
- Lợi nhuận trước thuế:	40.500	Triệu đồng
- Nộp ngân sách NN	17.500	Triệu đồng
- Tỷ lệ chia cổ tức:		
+ Tiền mặt	≥ 20	%
- Lương bình quân Công ty:	12,6	triệu đồng/người/tháng

4.2 Kế hoạch đầu tư, cải tạo, sửa chữa hệ thống lưới điện:

- Xây dựng mới 10 TBA với tổng công suất đạt 5.600 KVA; Quý I: 04 TBA, Quý II: 04 TBA và Quý III: 02 TBA.
- Nâng công suất 4 TBA.
- Bổ sung thay thế hệ thống dây đường trục chống quá tải với số lượng 23,5 km.
- Phát triển khách hàng mới sử dụng điện, nước: 5.800 khách hàng.
- Thực hiện chuyển đổi hệ thống công tơ đo đếm điện tử truyền và thu thập dữ liệu từ xa: Số lượng 20.000 cái.

4.3 Tập trung công tác chăm sóc khách hàng và chuyển đổi số:

- Tăng cường công tác thu tiền điện, nước tại các Xí nghiệp, Chi nhánh bằng hình thức không dùng tiền mặt:
 - + Ngày 30/6/2023 đạt 60%, giảm 50% đại lý viên thu ngân.
 - + Ngày 31/12/2023 đạt 90%, giảm 80% đại lý viên thu ngân.
- Tăng cường ứng dụng công nghệ Zalo vào công tác thông báo tiền điện, lịch cắt điện và dịch vụ khác đạt trên 95%.
- Trang bị Phần mềm Văn phòng điện tử.

4.4 Công tác thực hiện Dự án lắp đặt công tơ điện tử đo xa và phần mềm kinh doanh điện.

- Năm 2023, thực hiện chuyển đổi hệ thống công tơ đo đếm điện tử truyền và thu thập dữ liệu từ xa và xây dựng phần mềm quản lý khách hàng với số lượng 20.000 cái và tổng giá trị đầu tư 15.000.000.000, đồng (Mười lăm tỷ đồng).

4.5 Kế hoạch nguồn vốn đầu tư: Dự kiến 30 tỷ đồng.

- Triển khai lắp đặt công tơ truyền dữ liệu từ xa và hệ thống thu thập dữ liệu: 14,5 tỷ đồng

- Xây dựng bổ xung 10 trạm biến áp tại các xã: 5,5 tỷ đồng.
- Nâng công suất 04 trạm biến áp tại các xã: 0,6 tỷ đồng.
- Bổ xung, cải tạo nâng cấp đường dây hạ thế: 3,0 tỷ đồng.
- Thay định kỳ, mua sắm công tơ điện, nước: 1,2 tỷ đồng.
- Xây dựng văn phòng XN Điện Thủy Nguyên: 2,0 tỷ đồng.
- Chi phí di chuyển hệ thống lưới điện tại xã Quốc Tuấn và Hồng Thái: 0,7 tỷ
- Chi phí Hội nghị khách hàng, chi phí tổ chức cho CBCNV tham quan: 2,5 tỷ

5. Xem xét Dự án 34 Thiên Lôi, Lê Chân, Hải Phòng.

- Không thực hiện Dự án phát triển nhà ở tại số 34 Thiên Lôi theo ý kiến chỉ đạo của Thành phố.

6. Xem xét, thông qua công tác tổ chức cán bộ Công ty: Bổ nhiệm các chức danh Giám đốc Kinh doanh, Trưởng Phòng Tổ chức Hành chính, Giám đốc Xí nghiệp Điện An Dương, Thủy Nguyên, Vĩnh Bảo.

7. Xét bổ sung lương từ hiệu quả kinh doanh năm 2022 đối với Cán bộ quản lý trong Ban Điều hành Công ty.

Các Thành viên HĐQT dự họp tham gia thảo luận và nhất trí thông qua việc xét bổ sung lương từ hiệu quả kinh doanh năm 2022 đối với 12 cán bộ quản lý trong Ban Điều hành Công ty năm 2022; Với tổng số tiền: 1.270.000.000, đồng (*Một tỷ, hai trăm bảy mươi triệu đồng.*)

8. Xem xét duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.

b. Phiên họp lần thứ 2 (ngày 22/4/2023) xem xét thảo luận các nội dung gồm:

1. Kết quả kinh doanh Quý I/2023:

- Tổng doanh thu :	145.010,	Triệu đồng
+ Kinh doanh điện:	139.531,	Triệu đồng
+ Kinh doanh nước sạch:	3.261,	Triệu đồng
+ Kinh doanh khác:	2.217,	Triệu đồng
- Sản lượng điện:	65.399.680,	KWh
- Sản lượng nước:	207.510,	m ³
- Tỷ lệ tổn thất điện:	4,1	%
- Tỷ lệ tổn thất nước:	5,6	%

*** Công tác đầu tư cải tạo hệ thống lưới điện:**

- Hoàn thiện thi công, nghiệm thu đóng điện đưa vào sử dụng 02 TBA.
- Bổ sung thay thế hệ thống dây đường trục hạ thế chống quá tải: Số lượng 5,3 km.

- Tăng số khách hàng sử dụng điện, nước Quý I/2023: 415 khách hàng

2. Kết quả hoạt động tài chính Quý I/2023:

- Doanh thu hàng bán và CCDV:	144.789.785.524,	đồng
- Lợi nhuận trước thuế :	8.137.774.329,	đồng
- Thuế TNDN:	1.696.157.132,	đồng
- Lợi nhuận sau thuế:	6.434.817.980,	đồng

* Các Thành viên HĐQT tham gia thảo luận và nhất trí thông qua kết quả SXKD, kết quả hoạt động tài chính Quý I/2023.

3. Kế hoạch SXKD Quý II/2023:

3.1 Các chỉ tiêu:

- Tổng doanh thu:	171.000	Triệu đồng
+ Kinh doanh điện:	165.100	Triệu đồng
+ Kinh doanh nước sạch:	3.700	Triệu đồng
+ Kinh doanh khác:	2.200	Triệu đồng
- Sản lượng điện:	76.100.000	KWh
- Sản lượng nước:	234.000	m ³
- Tỷ lệ tổn thất điện:	4,08	%
- Tỷ lệ tổn thất nước:	5,21	%

3.2 Công tác đầu tư cải tạo hệ thống lưới điện:

- Hoàn thiện thi công, nghiệm thu đóng điện đưa vào sử dụng 06 TBA.
- Nâng công suất 02 TBA;
- Bổ sung thay thế hệ thống dây đường trục hạ thế chống quá tải: Số lượng 5,8 km.

3.3 Tập trung công tác chăm sóc khách hàng và chuyển đổi số:

- Tăng cường công tác thu tiền điện, nước tại các Xí nghiệp, Chi nhánh bằng hình thức không dùng tiền mặt đến ngày 30/6/2023 đạt 60%.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ Zalo vào công tác thông báo tiền điện, lịch cắt điện và dịch vụ khác đến ngày 30/6/2023 đạt trên 70%.

* Các Thành viên HĐQT tham gia thảo luận và nhất trí thông qua các chỉ tiêu chính Kế hoạch SXKD Quý II/2023.

4. Công tác thực hiện Dự án công tơ điện tử đo xa

* Các Thành viên HĐQT tham gia thảo luận và thống nhất một số nội dung:

- Quý II/2023, thực hiện lắp đặt công tơ điện tử đo xa với số lượng: 7.649 công tơ.

- Giao Tổng giám đốc nghiên cứu, đánh giá tính hiệu quả, giải pháp kỹ thuật trong quá trình triển khai thực hiện Dự án công tơ điện tử do xa; Đề xuất phương án phù hợp, hiệu quả của hệ thống công tơ điện tử do xa.

c. Phiên họp lần thứ 3 (ngày 29/7/2023) với các nội dung:

1. Kết quả kinh doanh Quý II/2023 và 6 tháng đầu năm 2023:

*** Kết quả sản xuất kinh doanh:**

Chỉ tiêu	Thực hiện Quý II/2023	Thực hiện 6 tháng 2023	(%) 6T 2023/2022	6T/KH năm 2023	
				(%)	±
- Tổng doanh thu (Tr. đồng)	192.180	336.971	118	43,5	438.029
+ Kinh doanh điện (Tr. đồng)	185.659	325.190	118	43,2	426.810
+ Kinh doanh nước (Tr. đồng)	4.369	7.630	124	66,3	3.870
+ Kinh doanh khác (Tr. đồng)	2.152	4.151	79	36,1	7.349
- Sản lượng điện (KWh)	82.327.340	147.727.010	115	44,8	181.812.990
- Sản lượng nước (m3)	263.510	471.020	120	60,0	313.980
- Tỷ lệ tổn thất điện (%)	4,07	4,07	-0,15	0,07	0,07
- Tỷ lệ tổn thất nước (%)	6,97	6,38	-0,57	1,38	1,38

*** Công tác đầu tư cải tạo hệ thống lưới điện:**

- Hoàn thiện thi công, nghiệm thu đóng điện đưa vào sử dụng 04/06 TBA với tổng công suất 1.990 KVA.

- Bổ sung, thay thế hệ thống dây đường trục hạ thế chống quá tải với tổng chiều dài 5,75 km.

- Tăng số khách hàng sử dụng điện, nước quý II/2023: 1.078 khách hàng.

*** Công tác chăm sóc khách hàng và chuyển đổi số**

- Công tác thu tiền điện, nước tại các Xí nghiệp, Chi nhánh bằng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt đến ngày 30/6/2023 đạt 54/60%;

- Ứng dụng công nghệ Zalo vào công tác thông báo tiền điện, lịch cắt điện và dịch vụ khác đến ngày 30/6/2023 đạt trên 57/70%.

2. Kết quả hoạt động tài chính quý II/2023 và 6 tháng đầu năm 2023:

Nội dung	Quý II/2023	Lũy kế 6 tháng 2023	(%) Quý II 2023/2022	6T/KH năm 2023	
				(%)	±
- Doanh thu hàng bán và CCDV (Tr. đồng)	192.181	336.971	125	43,5	438.029
- LN trước thuế (Tr. đồng)	9.666	17.804	115	44,0	22.696
- Thuế TNDN (Tr. đồng)	2.001	3.697	119		
- LN sau thuế (Tr. đồng)	7.641	14.076	113		

3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh quý III/2023:

*** Các chỉ tiêu SXKD:**

- Tổng doanh thu:	255.000	Triệu đồng
+ Kinh doanh điện:	248.515	Triệu đồng
+ Kinh doanh nước sạch:	3.985	Triệu đồng
+ Kinh doanh khác:	2.500	Triệu đồng
- Sản lượng điện:	105.736.000	KWh
- Sản lượng nước:	260.000	m ³
- Tỷ lệ tổn thất điện:	4,1	%
- Tỷ lệ tổn thất nước:	5,22	%

*** Công tác đầu tư :**

- Hoàn thiện thi công, nghiệm thu đóng điện đưa vào sử dụng 04 TBA.
- Nâng công suất 03 TBA (trạm Tiên Sa, trạm Trần Hải, trạm Vân Tra 2).
- Bổ sung thay thế hệ thống dây đường trục hạ thế chống quá tải: Số lượng 6,0 km.
- Thực hiện di chuyển hệ thống lưới điện tại các Xã trên địa bàn Huyện An Dương, Thủy Nguyên, Vĩnh Bảo phục vụ công tác xây dựng nông thôn kiểu mẫu và các Dự án của Huyện, Thành phố.

- Nghiên cứu làm Bìa hồng khu Văn Phòng Công ty và trình phương án đầu tư khai thác mặt bằng 34 Thiên Lôi.

- Thực hiện kế hoạch xây dựng Văn phòng Xí nghiệp Điện Thủy Nguyên.

*** Công tác chăm sóc khách hàng và chuyển đổi số:**

- Tăng cường công tác thu tiền điện, nước tại các Xí nghiệp, Chi nhánh bằng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt đến ngày 30/9/2023 đạt 80%.
- Giảm đại lý viên thu ngân đến ngày 30/9/2023 đạt 60%.
- Tăng cường ứng dụng công nghệ Zalo vào công tác thông báo tiền điện, lịch cắt điện và dịch vụ khác đến ngày 30/9/2023 đạt 85%.

*** Công tác tiếp nhận, mở rộng thị trường:**

Khảo sát, xây dựng phương án hợp tác kinh doanh tại các dự án:

- Dự án Tập đoàn Sun Group tại TP. Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang,
- Dự án Tập đoàn Ecopark tại Vinh, Nghệ An.

4. Công tác thực hiện Dự án công tơ điện tử đo xa

* Các Thành viên HĐQT tham gia thảo luận và thống nhất nội dung:

- Quý II/2023, thực hiện thay thế lắp đặt công tơ điện tử đo xa: 4.088/7.649 công tơ.
- Quý III/2023, kế hoạch lắp đặt công tơ điện tử đo xa với số lượng: 5.038 công tơ.

5. Thông qua Báo cáo hoạt động 6 tháng đầu năm và định hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023 của UBKT, Ban KTNB

* Các Thành viên HĐQT tham gia thảo luận, HĐQT thông qua và thống nhất các nội dung Báo cáo.

7. Một số nội dung khác:

- Thông qua phương án Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2023 bằng tiền với tỷ lệ 10%/Vốn điều lệ vào ngày 20/10/2023.

d. Phiên họp lần thứ 4 (ngày 28/10/2023) với các nội dung:

1. Kết quả kinh doanh Quý III/2023 và 9 tháng đầu năm 2023:

*** Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:**

Chỉ tiêu	Thực hiện Quý III/2023	Thực hiện 9 tháng 2023	(%) 2023/2022	9T/KH 2023	
				(%)	±
- Tổng doanh thu (Tr. đồng)	251.272	588.244	115%	75,9	186.756
+ Kinh doanh điện (Tr. đồng)	244.407	569.597	117%	75,7	182.403
+ Kinh doanh nước (Tr. đồng)	5.130	12.760	119%	111,0	-1.260
+ Kinh doanh khác (Tr. đồng)	1.735	5.887	81%	51,2	5.613
- Sản lượng điện (kWh)	103.577.612	251.304.626	114%	76,3	78.235.374
- Sản lượng nước (m3)	296.289	767.309	114%	97,7	17.691
- Tỷ lệ tổn thất điện (%)	4,3	4,2	0,02%		0,2
- Tỷ lệ tổn thất nước (%)	5,4	6,0	1,06%		1,0

*** Công tác đầu tư cải tạo hệ thống lưới điện:**

- Hoàn thiện thi công, nghiệm thu đóng điện đưa vào sử dụng 02 TBA với tổng công suất 1.030 kVA.

- Nâng công suất 02 TBA (Văn Tra 2, Tình Hải 2).

- Thay thế, di chuyển hệ thống cột điện kém chất lượng và phục vụ mở đường tại các xã, số lượng: 74 cột.

- Bổ sung, thay thế hệ thống dây đường trục hạ thế chống quá tải với tổng chiều dài 6,79 km.

- Tăng số khách hàng sử dụng điện, nước quý III/2023: 1.924 khách hàng.

2. Kết quả hoạt động tài chính quý III/2023 và 9 tháng đầu năm 2023

ĐVT: Triệu đồng

Nội dung	Quý III/2023	Lũy kế 9 tháng 2023	Quý III 2023/2022	9T/KH 2023	
				(%)	±
Doanh thu hàng bán và CCDV	251.272	588.243	115%	75,9	186.756
Lợi nhuận trước thuế	17.887	35.557	117%	87,8	4.943
Thuế TNDN	3.969	7.659	126%		
Lợi nhuận sau thuế	13.865	27.813	115%		

* Các Thành viên HĐQT tham gia thảo luận và nhất trí thông qua kết quả SXKD, kết quả hoạt động tài chính quý III và 9 tháng đầu năm 2023.

3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh quý IV/2023:

*** Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:**

- Tổng doanh thu:	189.743	Triệu đồng
+ Kinh doanh điện:	185.170	Triệu đồng
+ Kinh doanh nước sạch:	3.460	Triệu đồng
+ Kinh doanh khác:	1.113	Triệu đồng
- Sản lượng điện:	83.347.000	kWh
- Sản lượng nước:	229.000	m ³
- Tỷ lệ tổn thất điện:	4,2	%
- Tỷ lệ tổn thất nước:	4,4	%

*** Công tác đầu tư cải tạo hệ thống lưới điện:**

- Hoàn thiện thi công, nghiệm thu đóng điện đưa vào sử dụng 05 TBA, tổng công suất 2.940 kVA.

- Nâng công suất 08 TBA là tài sản của Điện lực.

- Xin mặt bằng, thiết kế mới 09 TBA.

- Bổ sung thay thế hệ thống dây đường trục hạ thế chống quá tải: Số lượng 4,0 km.

- Thực hiện di chuyển hệ thống lưới điện tại các Xã trên địa bàn Huyện Vĩnh Bảo phục vụ công tác xây dựng nông thôn kiểu mẫu.

*** Công tác chăm sóc khách hàng và chuyển đổi số:**

- Công tác thu tiền điện, nước tại các Xí nghiệp, Chi nhánh bằng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt đến ngày 31/12/2023 đạt trên 80%; Giám đại lý viên thu ngân đến ngày 31/12/2023 đạt 80%.

- Ứng dụng công nghệ Zalo vào công tác thông báo tiền điện nước và dịch vụ khác đến ngày 31/12/2023 đạt trên 90%.

4. Báo cáo thực hiện Dự án công tơ điện tử đo xa

- Số lượng công tơ điện tử đo xa đã thực hiện từ đầu dự án đến 30/9/2023 là 14.060 công tơ.

- Kế hoạch quý IV/2023 thực hiện lắp đặt số lượng: 5.038 công tơ.

* Các Thành viên HĐQT tham gia thảo luận và thống nhất thông qua.

5. Báo cáo của UBKT, BKTNB về công tác kiểm toán nội bộ tại Chi nhánh Hạ Long.

* Các Thành viên HĐQT tham gia thảo luận và thống nhất nội dung sau:

Tổng giám đốc chỉ đạo các đơn vị có liên quan khắc phục những tồn tại theo Báo cáo của Đoàn kiểm toán nội bộ tại Chi nhánh Hạ Long. Kết quả khắc phục báo cáo Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán trước ngày 30/11/2023.

6. Xem xét Tờ trình xử lý tài chính các khoản phải trả người bán, hạch toán chi phí dở dang dự án 34 Thiên Lô

* Các Thành viên HĐQT tham gia thảo luận và nhất trí thông qua.

7. Xem xét Dự thảo Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

*** Chỉ tiêu SXKD năm 2024**

- Tổng doanh thu:	1.006.000	Triệu đồng
+ <i>Kinh doanh điện:</i>	986.100	Triệu đồng
+ <i>Kinh doanh nước sạch:</i>	12.900	Triệu đồng
+ <i>Kinh doanh khác:</i>	7.000	Triệu đồng
- Sản lượng điện:	415.024.000	kWh
- Sản lượng nước:	914.000	m ³
- Tỷ lệ tổn thất điện:	4,0	%
- Tỷ lệ tổn thất nước:	4,0	%
- Lợi nhuận trước thuế:	45	Triệu đồng
- Nộp ngân sách:	18,6	Triệu đồng
- Tỷ lệ chia cổ tức:		
+ <i>Tiền mặt</i>	≥ 20	%
+ <i>Cổ phiếu</i>	≥ 25	%
- Thu nhập bình quân:	13,6	Triệu đồng/người/tháng

*** Công tác đầu tư cải tạo hệ thống lưới điện:**

- Xây dựng mới 12 TBA, với tổng công suất là 7.000 kVA.
- Nâng công suất 06 TBA, trong đó là tài sản của Công ty 02 TBA; là tài sản của Điện lực gồm 04 TBA
- Bổ sung thay thế hệ thống dây đường trục hạ thế: Số lượng 25 km.
- Thay thế công tơ điện số lượng: 20.000 cái, trong đó điện tử đo xa là 17.600 cái, công tơ điện kiểu cảm ứng là 2.400 cái.

*** Công tác phát triển khách hàng mới:**

- Tăng mới số khách hàng sử dụng điện tại các Xí nghiệp: 2.150 khách hàng.
- Tăng mới số khách hàng sử dụng điện tại các Chi nhánh: 3.500 khách hàng

*** Công tác chuyển đổi số và thực hiện Dự án:**

- Nâng cấp phần mềm quản lý dữ liệu khách hàng mua bán điện, nước và dịch vụ chăm sóc khách hàng.

- Phát triển phần mềm quản trị nhân sự, tiền lương và quản trị văn bản, công việc.

- Xây dựng App trao đổi thông tin, dữ liệu đối với lĩnh vực sử dụng điện, nước.

- Xây dựng hệ thống quản trị ServerDNC nhằm tự chủ trong công tác quản trị dữ liệu.

* **Kế hoạch điều chỉnh Tiền lương khoán năm 2024:** Xây dựng cơ chế tiền lương khoán năm 2024 tăng 8 -10% so với năm 2023.

* **Kế hoạch nguồn vốn đầu tư: Dự kiến 32 tỷ đồng.**

- Xây dựng bổ xung 12 trạm biến áp tại các xã: 7,8 tỷ đồng.

- Nâng công suất 6 trạm biến áp tại các xã: 1,5 tỷ đồng.

- Bổ xung, cải tạo nâng cấp đường dây hạ thế và cột điện: 3,55 tỷ đồng.

- Xây dựng hệ thống quản trị Server DNC: 0,35 tỷ đồng.

- Thay định kỳ, mua sắm công tơ điện, nước: 11,5 tỷ đồng.

- Xây dựng văn phòng XN Điện Thủy Nguyên: 2,0 tỷ đồng.

- Chi phí mua sắm phương tiện, trang thiết bị Chi nhánh: 1,0 tỷ đồng

- Xây dựng văn phòng QLD xã Hồng Thái và xã Lập Lễ: 1,5 tỷ

- Chi phí Hội nghị khách hàng, Ngày hội gia đình DNC, tham quan du lịch CBCNV: 2,8 tỷ

8. Báo cáo Phương án tiếp nhận Hệ thống điện các dự án của SunGroup Phú Quốc và thành lập Chi nhánh Phú Quốc tại tỉnh Kiên Giang.

* Các Thành viên HĐQT tham gia thảo luận và nhất trí thông qua Phương án.

Tổng giám đốc thực hiện thủ tục xin cấp phép theo quy định của Pháp luật về việc Thành lập Chi nhánh Phú Quốc

9. Thông qua công tác tổ chức cán bộ Công ty

- Bổ nhiệm các chức danh với thời hạn, hiệu lực: 02 năm, hiệu lực kể từ ngày 01/01/2024.

10. Một số nội dung khác:

- Thống nhất ngày Đại hội ĐCĐ thường niên năm 2024, ngày 06/4/2024, Thứ 7.

- Dự kiến cuộc họp HĐQT lần thứ 15, nhiệm kỳ 2021-2026; Thời gian họp: ½ ngày, ngày 25/01/2024, Thứ 5. Nội dung họp:

- Báo cáo kết quả SXKD quý IV và năm 2023.

- Báo cáo kết quả hoạt động tài chính Quý IV và năm 2023.

- Kế hoạch SXKD quý I/2024.

- Kế hoạch SXKD năm 2024.

- Công tác chuẩn bị Đại hội ĐCĐ thường niên năm 2024.

2. Ủy Ban Kiểm toán

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ủy ban kiểm toán

TT	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP
1	Tạ Văn Sơn	Thành viên HĐQT - Chủ tịch UBKT (từ tháng 4/2021)	29.646 CP chiếm 0,46 %
2	Nguyễn Trung Kiên	Thành viên HĐQT- Trưởng ban Kiểm toán nội bộ (từ tháng 4/2021)	1.596.918 CP chiếm 24,87 %

2.2. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán

2.2.1. Đánh giá hoạt động của Ủy ban kiểm toán trong năm 2023

Trong năm 2023, Ủy ban kiểm toán đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty.

Ủy ban kiểm toán đã thực hiện công tác theo đúng quyền và nghĩa vụ của mình thông qua các hoạt động chính sau đây:

- Giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Cán bộ quản lý trong việc quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2023.

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết HĐQT năm 2023.

- Xem xét, thẩm định Báo cáo tài chính, kết quả kinh doanh giữa niên độ và cả năm 2023.

- Rà soát hệ thống Kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;

- Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty;

- Thường xuyên nắm tình hình, giám sát nhằm bảo đảm Công ty tuân thủ quy định của Pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công ty;

- Chủ tịch Ủy ban kiểm toán thường xuyên trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán;

2.2.2. Năm 2023, Ủy ban kiểm toán tổ chức 2 cuộc họp:

Ngày 29/7/2023, Ủy ban kiểm toán đã họp và thống nhất với các nội dung sau:

1. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán 6 tháng đầu năm 2023;
2. Kết quả giám sát đối với HĐQT, TGD, Cán bộ quản lý

3. Kết quả rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro,
4. Đánh giá tình hình việc Công ty tuân thủ quy định của Pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công ty
5. Kết quả giám sát tình hình tài chính của Công ty
6. Sự phối hợp giữa UBKT với HĐQT, BTGD và Cổ đông
7. Một số nhận xét và kiến nghị
8. Kế hoạch làm việc của UBKT 6 tháng cuối năm 2023.

Ngày 28/10/2023, Ủy ban kiểm toán đã họp và thống nhất với các nội dung sau:

1. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán;
2. Kết quả giám sát đối với HĐQT, BTGD, Cán bộ quản lý;
3. Kết quả rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro, đánh giá hoạt động của bộ phận Kiểm toán nội bộ
4. Đánh giá tình hình việc Công ty tuân thủ quy định của Pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công ty
5. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính của Công ty 6 tháng đầu năm 2023;
6. Sự phối hợp giữa BKS với HĐQT, BTGD và Cổ đông;
7. Một số nhận xét và kiến nghị.

Kết quả của các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán:

Các cuộc họp của Ban kiểm soát đều diễn ra tại trụ sở của Công ty cổ phần Điện nước lắp máy Hải Phòng. Các thành viên của Ủy ban kiểm toán đã tích cực nghiên cứu, trao đổi, thảo luận và thống nhất các nội dung của cuộc họp.

Kết thúc cuộc họp đều lập thành biên bản; ý kiến tán thành 2/2 chiếm tỷ lệ 100%.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ủy ban kiểm toán, Ban kiểm toán nội bộ:

3.1. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ủy ban kiểm toán và Ban kiểm toán nội bộ

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương, Thưởng, Thù lao
1	Đỗ Huy Đạt	Chủ tịch HĐQT	905.724.500
2	Lê Hữu Cảnh	Ủy viên HĐQT- Tổng GD	1.627.553.200
3	Nguyễn Trung Kiên	Ủy viên HĐQT- TB KTNB	236.500.000
4	Vũ Thị Lương Dung	Ủy viên HĐQT- Giám đốc KD	813.885.400

5	Tạ Văn Sơn	Ủy viên HĐQT-Chủ tịch UBKT	248.500.000
5	Lại Thị Vinh	Ủy viên HĐQT	196.000.000
6	Nguyễn Thị Thu Hà	Ủy viên ban kiểm toán nội bộ	602.583.215
7	Dương Thùy Linh	Ủy viên ban kiểm toán nội bộ	131.000.000
8	Nguyễn Văn Thao	Phó TGD Công ty	864.546.307
9	Mai Thị Thanh Hà	Kế toán trưởng	731.498.408
	Tổng		6.357.791.030

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: có

3.3. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Để từng bước nâng cao hiệu quả công tác quản lý, quản trị Công ty:

- Xây dựng, ban hành hệ thống chính sách để quản lý doanh nghiệp, rà soát, bổ sung thay thế những nội dung của Quy định, quy chế không còn phù hợp.
- Giám sát chặt chẽ hoạt động sản xuất kinh doanh, kịp thời thu hồi các khoản nợ phải thu nhằm đảm bảo nguồn vốn hoạt động kinh doanh
- Các giải pháp, biện pháp để nâng cao kết quả sản xuất kinh doanh và hoàn thiện các mặt chưa đạt, còn thiếu và yếu.
- Chấp hành theo các Quy định của Nhà nước.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính : Việt Nam Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		98.821.192.290	62.006.387.560
I. Tiền	110	4	16.262.893.402	9.621.441.686
1. Tiền	111		16.262.893.402	9.621.441.686
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		16.013.542.328	21.205.101.951
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5	15.483.542.328	24.248.653.686
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5		(3.043.551.735)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	530.000.000	

III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		53.909.220.882	18.689.629.514
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	36.604.635.884	10.031.763.290
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1.366.493.107	3.553.686.603
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	100.000000	100.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	15.838.091.891	5.454.319.397
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10		(450.139.776)
IV. Hàng tồn kho	140	11	10.640.076.054	9.821.541.911
1. Hàng tồn kho	141		10.805.949.013	10.007.634.270
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(165.872.959)	(186.092.359)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.995.459.624	2.668.672.498
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	1.946.476.702	2.625.967.952
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		36.567.506	36.469.546
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	18	12.415.416	6.235.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		74.869.684.909	60.378.721.062
I. Tài sản cố định	220		54.747.607.928	46.414.274.836
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	50.354.306.565	45.639.580.943
- Nguyên giá	222		122.444.784.963	111.124.122.662
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(72.090.478.398)	(65.484.541.719)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	4.393.301.363	774.693.893
- Nguyên giá	228		5.281.629.248	1.095.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(888.327.885)	(320.306.107)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240	15	889.450.913	4.830.129.116
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		889.450.913	4.830.129.116

III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	16	3.659.275.976	3.695.706.467
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.000.000.000	4.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(340.724.024)	(304.293.533)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		15.573.350.092	5.438.610.643
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	15.573.350.092	5.438.610.643
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		173.690.877.199	122.385.108.622
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		60.245.963.714	27.346.133.111
I. Nợ ngắn hạn	310		60.087.427.613	27.346.133.111
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	30.807.382.831	6.207.325.474
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		899.218.950	164.068.428
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	4.162.534.885	1.366.566.814
4. Phải trả người lao động	314		810.272.131	669.244.333
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	10.537.239.334	2.729.723.674
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			97.195.752
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	3.105.689.641	3.163.944.844
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	8.565.306.014	11.850.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.199.783.827	1.098.063.792
II. Nợ dài hạn	330		158.536.101	
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		158.536.101	
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		113.444.913.485	95.038.975.511
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	113.444.913.485	95.038.975.511
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		64.222.580.000	64.222.580.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		64.222.580.000	64.222.580.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(50.000.000)	(50.000.000)

3. Quỹ đầu tư phát triển	418		557.368.590	557.368.590
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		713.858.604	713.858.604
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		48.001.106.291	29.595.168.317
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		17.120.472.848	400.752.756
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		30.880.633.443	29.194.415.561
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		173.690.877.199	122.385.108.622

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính : Việt Nam Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		802.482.861.535	658.676.029.032
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	23	802.482.861.535	658.676.029.032
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	734.609.525.271	601.355.946.982
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		67.873.336.264	57.320.082.050
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	195.660.787	1.310.720.055
7. Chi phí tài chính	22	26	(2.255.829.123)	3.857.992.810
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		751.292.121	795.814.783
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	20.314.992.366	17.961.733.802
9. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		50.009.833.808	36.811.075.493
10. Thu nhập khác	31		402.008.216	1.948.722
11. Chi phí khác	32		2.336.227.915	5.195.101
12. Lợi nhuận từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(1.934.219.699)	(3.246.379)
13. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		48.075.614.109	36.807.829.114
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	10.523.277.474	7.613.413.553
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		158.536.101	?

15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		37.393.800.534	29.194.415.561
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	5.808	4.546

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính : Việt Nam Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	48.075.614.109	36.807.829.114
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	7.173.958.457	5.987.164.294
- Các khoản dự phòng	03	(3.027.340.644)	3.248.270.386
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(195.660.787)	(1.310.720.055)
- Chi phí lãi vay	06	751.292.121	795.814.783
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	52.777.863.256	45.528.358.522
- Tăng/(giảm) các khoản phải thu	09	(34.340.566.031)	(3.503.922.109)
- Tăng/(giảm) hàng tồn kho	10	(798.314.743)	(671.314.088)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	32.711.501.362	91.946.266
- Tăng/(giảm) chi phí trả trước	12	(9.455.248.199)	(4.911.391.342)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	8.765.111.358	(24.248.653.686)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(765.544.944)	(792.116.152)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.798.808.249)	(8.821.128.351)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.735.853.839)	(5.212.623.431)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	38.360.139.971	(2.540.844.371)

II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(11.942.321.450)	(16.201.884.145)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(530.000.000)	(47.500.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		62.500.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	94.059.556	1.972.774.850
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(12.378.261.894)	770.890.705
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	66.886.477.360	60.150.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(70.171.171.346)	(60.720.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(16.055.732.375)	(14.129.033.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(19.340.426.361)	(14.699.033.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	6.641.451.716	(16.468.986.666)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	9.621.441.686	26.090.428.352
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	16.262.893.402	9.621.441.686

Hải Phòng, ngày 15 tháng 3 năm 2024

CÔNG TY CP ĐIỆN NƯỚC LẮP MÁY HẢI PHÒNG



CHỦ TỊCH HĐQT

Đỗ Huy Đạt